

Số: 46/2024/QĐST-LĐ

Dĩ An, ngày 26 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương.

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 69/2024/TLST-VLD ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 41/2024/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc lao động:* Bà Trương Thị Cúc H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ G, xã P, huyện C, tỉnh Long An. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Trương Thị Như Q, sinh năm 1997; địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

1/ Công ty TNHH T1; địa chỉ: Số B đường Đ, khu công nghiệp S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt).

3/ Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Đường T, khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 18/4/2024). (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Trương Thị Cúc H trình bày:

Từ tháng 9/2009 đến tháng 11/2023, bà H có làm việc tại Công ty T2, địa chỉ: Lô A, đường số C, khu công nghiệp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An và có đóng bảo hiểm xã hội số: 8009031265. Nay, bà H tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà H bị trùng. Lý do bị trùng bảo hiểm: Em gái của bà H – Trương Thị Như Q (sử dụng thông tin của bà H – Trương Thị Cúc H) giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 khoản từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014.

Cùng thời gian đó, bà H giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH T2 đến khoảng năm 2023 thì bà H nghỉ việc. Do đó, bà H bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014 tương đương với thời gian bà Q mượn hồ sơ lao động của bà H. Vào thời điểm năm 2014, bà Q chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động. Bà H và bà Q là chị em ruột với nhau nên mới hỗ trợ bà Q mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì cả hai không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị Cúc H và Công ty TNHH T1 (thời gian làm việc từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014) là vô hiệu. Ngoài ra, bà H không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu cũng như không có yêu cầu gì khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Như Q trình bày:

Bà Q và bà Trương Thị Cúc H là chị em ruột. Khoảng năm 2014 bà Q chưa làm chứng minh nhân dân và chưa đủ tuổi để đi xin việc, do hoàn cảnh nhà nghèo, buộc phải kiếm tiền phụ giúp gia đình nên bà Q đã sử dụng thông tin của bà H để vào làm việc tại Công ty TNHH T1 và giao kết hợp đồng lao động, tham gia bảo hiểm xã hội trong khoảng thời gian từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014.

Do đó, để đảm bảo quyền lợi của bà H, bà Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An tuyên bố Hợp đồng lao động (từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014) giữa bà Trương Thị Cúc H và Công ty TNHH T1 vô hiệu. Ngoài ra, bà Q không có yêu cầu gì trong vụ việc này.

- Ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương (viết tắt là BHXH) trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH T1 cho người lao động thì Công ty TNHH T1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho Bà Trương Thị Cúc H sinh năm 1991, số CMND 341695937, với mã số BHXH 7414207618 từ tháng 11/2014 đến tháng 11/2014 chưa nhận trợ cấp BHXH.

Ngoài ra bà Trương Thị Cúc H còn có mã số 8009031265 tham gia BHXH từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2023 tại Công ty TNHH T2.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của Bà Trương Thị Cúc H, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của Bà Trương Thị Cúc H Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1*: Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý việc lao động, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Công ty TNHH T3 để làm việc, lấy lời khai; cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động nhưng Công ty TNHH T1 vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Công ty TNHH T1 cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu của bà Trương Thị Cúc H.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trương Thị Cúc H là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH T1 vắng đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp nhưng vắng mặt không rõ lý do. Người yêu cầu bà Trương Thị Cúc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Như Q và người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quá trình tố tụng người yêu cầu bà Trương Thị Cúc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Như Q và người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D thống nhất trình bày:

Trong thời gian từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014, người lao động tên Trương Thị Cúc H, sinh năm 1991, chứng minh nhân dân số 341695937 được Công ty TNHH T1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7414207618.

Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH T1 và bà H phát sinh từ 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014 hai bên ký kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên, bà Trương Thị Cúc H và bà Trương Thị Như Q thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH T1 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH T1 trong khoảng thời gian từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014 theo hợp đồng lao động là bà Trương Thị Như Q chứ không phải bà Trương Thị Cúc H do bà Q mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà H để đi làm việc. Đối với bà H trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty TNHH T2. Do bà Q chưa đủ tuổi nên bà H đã cho bà Q mượn chứng minh nhân dân để đi làm việc. Trình bày của bà H và bà Q phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 10/2009 đến tháng 10/2023 bà Trương Thị Cúc H có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội liên tục Công ty TNHH T2. Xét, việc bà Q lấy tên bà H để giao kết hợp đồng lao động là

hành vi vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động, vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động nên thuộc trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ theo khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động.

[2.2] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của bà Trương Thị Cúc H bị trùng từ tháng 11/2014 đến tháng 11/2014. Do đó, bà H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH T1 với bà Trương Thị Cúc H từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về lệ phí: Bà Trương Thị Cúc H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 33, 39, 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ các Điều 15, 16, 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động;
- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trương Thị Cúc H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Trương Thị Cúc H với Công ty TNHH T1 thời gian làm việc từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014 bị vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2/ Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trương Thị Cúc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0002717 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3/ Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ

ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4/ Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THA DS TP.Dĩ An;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương